

**CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**  
Số: 06

Doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

Địa chỉ: Tầng 18 và 19, Số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa – TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 38513205

Fax: 024 38513207

Email: [plc@petrolimex.com.vn](mailto:plc@petrolimex.com.vn)

**CÔNG BỐ:**

Tiêu chuẩn:

**TCCS 06:2018/PLC  
DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ  
PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 VÀ 50**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa:

**Dầu nhờn động cơ PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 VÀ 50**

Mã số: 2710

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



Handwritten signature in black ink, appearing to read "Lê Quang Tuấn".

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lê Quang Tuấn*

# TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 06:2018/PLC

**DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC KOMAT CF 10W,  
30, 40 VÀ 50 - YÊU CẦU KỸ THUẬT**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Tuấn*

Hà Nội – 2018



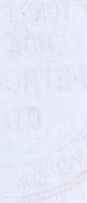
# MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn:	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2



## LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn dầu nhờn động cơ **PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 và 50** số hiệu: TCCS 06:2018/PLC do Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex – CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.







PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY  
HOÁ DẦU PETROLIMEX

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ  
PLC KOMAT CF 10W, 30, 40  
VÀ 50

**TCCS 06:2018/PLC**

Lần soát xét: 02  
Ngày hiệu lực: 15/12/2018

## DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 VÀ 50 – YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. **Phạm vi áp dụng:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho dầu nhờn động cơ **PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 và 50** do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP sản xuất, được sử dụng cho các loại động cơ diesel 4 thì của các phương tiện vận tải thủy, bộ.

*Ghi chú: Tiêu chuẩn cơ sở này thay thế cho các tiêu chuẩn cơ sở phiên bản trước đây của sản phẩm PLC Komat CF 10W, 30, 40 và 50.*

### 2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1.	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt động học
2.	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt
3.	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ bắt cháy cốc hở
4.	ASTM D95	Phương pháp thử xác định Hàm lượng nước
5.	ASTM D97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
6.	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
7.	ASTM D2896	Phương pháp thử xác định Trị số kiềm tổng (TBN)
8.	ASTM D4951	Phương pháp thử xác định Tổng hàm lượng kim loại
9.	ASTM D130	Phương pháp thử xác định khả năng ăn mòn tấm đồng
10.	ASTM D4055	Phương pháp thử xác định hàm lượng cặn pentan
11.	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công
12.	QCVN 14:2018/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong
13.	Nghị định 43//2017/NĐ-CP	Nghị định về nhãn hàng hóa
14.	Thông tư 21/2007/TT-BKHCN	Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn

### 3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Tiêu chuẩn này qui định các chỉ tiêu chất lượng cho dầu nhờn động cơ **PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 VÀ 50** như sau:

- PLC Komat CF 10W có cấp chất lượng API: CF/SF, cấp độ nhớt SAE: 10W
- PLC Komat CF 30 có cấp chất lượng API: CF/SF, cấp độ nhớt SAE: 30
- PLC Komat CF 40 có cấp chất lượng API: CF/SF, cấp độ nhớt SAE: 40
- PLC Komat CF 50 có cấp chất lượng API: CF/SF, cấp độ nhớt SAE: 50



3.2 Yêu cầu đối với nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Có gốc dầu mỏ.

- Phụ gia: Phụ gia cho dầu động cơ đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường và không gây hỏng cho động cơ cũng như hệ thống tồn trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối sản phẩm.

3.3 Các chỉ tiêu chất lượng của dầu nhớt động cơ **PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 và 50**:

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP THỬ	DẦU NHỚT ĐỘNG CƠ PLC KOMAT CF			
		10W	30	40	50
1. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	6÷8	10,5÷12,5	14,0÷16,0	19,0÷20,5
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	120	98	98	98
3. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D92	210	214	220	224
4. Nhiệt độ đông đặc, °C	ASTM D97	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo
5. Hàm lượng nước, %TT, max	ASTM D95	0,05	0,05	0,05	0,05
6. Đặc tính tạo bọt ở 93,5°C, ml, max	ASTM D892	50/0	50/0	50/0	50/0
7. Ăn mòn tấm đồng, max	ASTM D130	1	1	1	1
8. Hàm lượng cặn pentan, %KL, max	ASTM D4055	0,1	0,1	0,1	0,1
9. TBN, mg KOH/g, min	ASTM D2896	6,8	10	10	10
10. Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Zn), % KL, min	ASTM D4951	0,1			

*Trên đây là các số liệu tiêu biểu thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.*

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4057)

**4. Thông tin bổ sung:**

4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2018/PLC.

4.2. Bao gói: Dầu nhớt động cơ **PLC KOMAT CF 10W, 30, 40 VÀ 50** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 209 lít, Thùng 18 và 25 lít.

**5. Các yêu cầu khác:**

5.1 Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.